

Số: 1535088

|                                            | Kia Morning MT      | Kia Soluto AT Luxury |
|--------------------------------------------|---------------------|----------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>349.000.000đ</b> | <b>449.000.000đ</b>  |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                     |                      |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 3595 x 1595 x 1495  | 4300 x 1700 x 1460   |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2400                | 2570                 |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 4700                | 5200                 |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 151                 | 150                  |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 960                 | 1040                 |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 1370                | 1490                 |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 255                 | 475                  |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 35                  | 43                   |
| Số chỗ ngồi                                | 5                   | 5                    |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước    | SX-LR trong nước     |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                     |                      |
| Loại động cơ                               | Xăng, Kappa 1.25L   | Xăng, Kappa 1.4L     |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 1248                | 1368                 |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 83 / 6000           | 94 / 6000            |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 122 / 4000          | 132 / 4000           |
| Hộp số                                     | 5MT                 | 4AT                  |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)     | Cầu trước (FWD)      |
| Hệ thống treo trước                        | Mc Pherson          | Mc Pherson           |
| Hệ thống treo sau                          | Thanh xoắn          | Thanh xoắn           |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                 | Đĩa                  |
| Hệ thống phanh sau                         | Tang trống          | Đĩa                  |
| Thông số lốp xe                            | 185/55 R15          | 174/70 R14           |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 7.49                | 8.73                 |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 4.39                | 5.52                 |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 5.54                | 6.7                  |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                     |                      |
| Cụm đèn trước                              | Halogen             | Halogen              |
| Đèn sương mù                               | Halogen             | Halogen              |
| Cụm đèn sau                                | Halogen             | Halogen              |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | Chỉnh điện          | ●                    |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                     |                      |
| Vô lăng bọc da                             | Nhựa                | ●                    |
| Chất liệu ghế                              | Da                  | Da                   |
| Ghế người lái chỉnh cơ                     | ●                   | ●                    |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                     | ●                   | ●                    |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin              | LCD 2.6" SEG        | 2.8" LCD             |
| Số vùng khí hậu điều hòa                   | 1                   | 1                    |
| Hệ thống âm thanh                          | 4 loa               | 6 loa                |
| <b>AN TOÀN:</b>                            |                     |                      |
| Số túi khí                                 | 2                   | 2                    |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS           | ●                   | ●                    |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD           | ●                   | ●                    |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa            | n/a                 | ●                    |

Hệ thống cảnh báo chống trộm

n/a